

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

của

**Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu
Lai Quảng Nam**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 42

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước - tiền thân là Xí nghiệp Văn phòng phẩm Tam Kỳ, được thành lập theo Quyết định số 696/QĐ - UB ngày 10/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam, chuyển đổi thành Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định số 4227/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định phê duyệt đề án chuyển đổi số 1806/QĐ - UBND ngày 03/06/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV lần đầu số 4000360377 ngày 09/09/2010, thay đổi lần 1 ngày 17/09/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 14/02/2011, thay đổi lần 3 ngày 10/2/2012, thay đổi lần 4 ngày 30/7/2013 và thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Vốn điều lệ Công ty: 188.334.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ, ba trăm ba tư triệu đồng chẵn*)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Bán buôn tổng hợp; Bán buôn sách, báo, văn phòng phẩm, giấy, tạp chí, đồ điện gia dụng; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh (hạt nhựa); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Lai dắt hỗ trợ tàu ra vào cảng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác, chế biến đá, cát sỏi, đất sét. Ngoài ra, Công ty còn các hoạt động kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Ngoài trụ sở chính, Công ty còn có 03 Xí nghiệp trực thuộc là: Xí nghiệp Cảng Kỳ Hà; Xí nghiệp Quản lý & khai thác khu công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp và Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Chu Lai. Các Xí nghiệp này chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ đối với Công ty. Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo sự cam kết của các Xí nghiệp. Các Xí nghiệp chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh tại nơi phát sinh, thuế thu nhập doanh nghiệp được kê khai và nộp tại Văn phòng Công ty sau khi hợp cộng kết quả kinh doanh toàn Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn có các Ban quản lý trực thuộc Công ty, hoạt động cho các dự án nhà nước giao và hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty không bao gồm số liệu của các Ban quản lý này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.1 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên trong Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên và kiểm soát viên

Cao Ngọc Tích	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Võ Văn Hạng	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Nguyễn Đình Tuyên	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Lê Văn Quang	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 05/08/2013

Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Võ Văn Hạng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2011
Nguyễn Đình Tuyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2010
Huỳnh Bửu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2011
Võ Phước Long	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2012
Nguyễn Thanh Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05/08/2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương, thành viên hãng Eura Audit International. HVAC bày tỏ nguyện vọng sẽ tiếp tục được là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp; và
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc

H. Q. V.
TY
HỮU HẠ
N
NG
H. A.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên trong Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01 đến 31/12/2014 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Ông Võ Văn Hạng

Giám đốc

Quảng Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2015





HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL

EURAUDIT
International

Số. *D13* /2015/BCTC - HVAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam được lập ngày 31 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

1019
CỔ
ÁCH N
KIỂM
HÙNG
KIỂM

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính



Nguyễn Quốc Tuấn - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1087-2013-098-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Đỗ Thị Thanh Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2421-2013-098-1

048
G T
EM H
TOÁN
VƯƠN
TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31/12/2014

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		295.267.716.796	460.401.138.704
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.776.913.299	4.582.315.938
1. Tiền	111		7.449.987.379	4.082.315.938
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.326.925.920	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		233.975.140.949	219.802.756.077
1. Phải thu của khách hàng	131	5.2	211.699.672.857	207.249.491.554
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	516.837.516	3.573.112.551
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.4	29.232.720.982	3.671.514.583
5. Các khoản phải thu khác	135	5.5	1.784.676.202	5.308.637.389
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(9.258.766.608)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	50.050.993.031	221.988.377.624
1. Hàng tồn kho	141		50.050.993.031	221.988.377.624
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		464.669.517	14.027.689.065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		295.307.037	382.276.732
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.874.754	84.768.081
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.461.312	60.748.964
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	140.026.414	13.499.895.288
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.593.543.747	140.866.064.312
II. Tài sản cố định	220		112.380.658.264	129.394.702.682
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	111.671.645.838	112.714.467.653
- Nguyên giá	222		145.352.202.569	141.702.099.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.680.556.731)	(28.987.631.516)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		664.792.500	817.890.216
- Nguyên giá	225		1.224.781.730	1.224.781.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(559.989.230)	(406.891.514)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	(19.813.887)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	19.813.887
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	44.219.926	15.862.344.813
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.466.250.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	1.466.250.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	5.10	5.212.885.483	10.005.111.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.159.885.483	9.942.111.630
3. Tài sản dài hạn khác	268		53.000.000	63.000.000
				-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		412.861.260.543	601.267.203.016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2014

DVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả	300		246.602.770.704	439.821.489.091
I. Nợ ngắn hạn	310		246.524.200.780	335.376.919.167
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	99.812.274.280	236.451.698.094
2. Phải trả người bán	312	5.12	56.029.633.362	55.744.404.695
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	5.528.014.418	1.528.576.105
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	19.969.157.516	14.870.481.745
5. Phải trả người lao động	315	5.15	7.642.530.237	2.099.377.690
6. Chi phí phải trả	316	5.16	23.051.951.893	4.939.109.384
7. Phải trả nội bộ	317		2.524.858.647	4.767.045.898
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.17	29.942.304.280	14.732.515.253
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.023.476.147	243.710.303
II. Nợ dài hạn	330		78.569.924	104.444.569.924
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	-	104.090.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		78.569.924	354.569.924
B. Vốn chủ sở hữu	400		166.258.489.839	161.445.713.925
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	166.258.489.839	161.445.713.925
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.762.397.640	148.762.397.640
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.344.479.341	4.344.479.341
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.351.655.182	4.006.656.276
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.285.535.487	1.285.535.487
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		465.253.818	3.046.645.181
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		4.049.168.371	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		412.861.260.543	601.267.203.016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		38.486.00	11.328,18



Ông Võ Văn Hạng
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Năm 2014

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	574.973.782.983	580.399.803.079
2. Các khoản giảm trừ	02		16.692.758.127	989.257.680
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	558.281.024.856	579.410.545.399
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	497.219.573.193	525.454.987.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.061.451.663	53.955.557.866
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	218.272.114	534.785.334
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.671.458.731	29.206.065.817
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.626.062.030	24.981.924.861
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	26.335.266.165	15.437.673.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.272.998.881	9.846.603.912
11. Thu nhập khác	31	6.6	24.286.131.955	2.303.093.856
12. Chi phí khác	32	6.7	24.033.365.124	1.967.831.944
13. Lợi nhuận khác	40		252.766.831	335.261.912
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.525.765.712	10.181.865.824
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	6.957.160.722	7.600.474.461
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.568.604.990	2.581.391.363
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-



Ông Võ Văn Hạng
 Giám đốc

Quảng Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Ông Nguyễn Thanh Hải
 Kế toán trưởng

1932
 ÔNG
 NHIỆM
 HỀM T
 NG VU
 VI - T

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	5
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.525.765.712	10.181.865.824
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.127.333.627	5.430.366.486
- Các khoản dự phòng	03		9.258.766.608	-
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(218.272.114)	(912.058.062)
- Chi phí lãi vay	06		18.626.062.030	25.414.171.543
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		48.319.655.863	40.114.345.791
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(9.945.101.627)	(20.185.344.018)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		171.937.384.593	(36.532.295.736)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(49.346.133.851)	3.637.302.059
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		4.869.195.842	(200.340.388)
- Lãi tiền vay đã trả	13		(18.626.062.030)	(25.414.171.543)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.600.474.461)	(5.134.384.868)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.283.284.732	30.862.985
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(2.825.277.663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		142.891.749.061	(46.509.303.381)
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(9.188.897.645)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22		-	377.272.728
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(400.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		218.272.114	534.785.334
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		218.272.114	(8.676.839.583)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	1.948.670.979
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		223.202.712.046	550.074.934.421
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(359.842.135.860)	(561.000.888.179)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(276.000.000)	(330.227.428)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(136.915.423.814)	(9.307.510.207)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.194.597.361	(64.493.653.171)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.582.315.938	69.075.969.109
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	10.776.913.299	4.582.315.938



Ông Võ Văn Hạng
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

18 - C
TY
ĐẦU TƯ
ÁN
JNG
HÀ

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước - tiền thân là Xí nghiệp Văn phòng phẩm Tam Kỳ, được thành lập theo Quyết định số 696/QĐ - UB ngày 10/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam, chuyển đổi thành Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định số 4227/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định phê duyệt đề án chuyển đổi số 1806/QĐ - UBND ngày 03/06/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV lần đầu số 4000360377 ngày 09/09/2010, thay đổi lần 1 ngày 17/09/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 14/02/2011, thay đổi lần 3 ngày 10/2/2012, thay đổi lần 4 ngày 30/7/2013 và thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Vốn điều lệ Công ty: 188.334.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ, ba trăm ba tư triệu đồng chẵn)*

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn tổng hợp; Bán buôn sách, báo, văn phòng phẩm, giấy, tạp chí, đồ điện gia dụng; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh (hạt nhựa); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Lai dắt hỗ trợ tàu ra vào cảng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác, chế biến đá, cát sỏi, đất sét. Ngoài ra, Công ty còn các hoạt động kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam được lập trên cơ sở cộng hợp các Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc bao gồm: Xí nghiệp Cảng Kỳ Hà, Xí



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

ngành Khai thác Khoáng sản Chu Lai và Xí nghiệp Quản lý & khai thác khu công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp.

Ngoài ra, Công ty còn có các Ban quản lý trực thuộc Công ty, hoạt động cho các dự án Nhà nước giao và hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty không bao gồm số liệu của các Ban quản lý này.

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3.3 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 Các khoản phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu của khách hàng được trình bày theo giá trị của hóa đơn gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, các khoản nợ quá hạn của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính vẫn có khả năng thu hồi nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ quá hạn này.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường. Giá gốc của hoạt động xây lắp bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung phát sinh trong hoạt động xây lắp. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang:

9820
ÔNG
NHIỆM
EM T
IG VU
1 - T

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

- Đối với công trình xây lắp thì phân bổ theo giá trị thực tế dở dang do đội thi công xác định tại công trình.
- Đối với sản xuất dở dang được xác định theo sản phẩm hoàn thành tương đương của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Các tài sản không trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh và hình thành từ dự án đang trong giai đoạn đầu tư chưa được trích khấu hao. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10
Phần mềm máy tính	03

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

4.6 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4.7 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các khoản chi phí lãi vay riêng biệt phục vụ cho việc mua hàng tồn kho được tính vào giá trị hàng tồn kho. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh thực tế.

4.10 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tỷ giá ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản lãi chênh lệch tỷ giá này sẽ không được chia lợi nhuận theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT - BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

4.11 Thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các Luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả năm hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Năm 2014 Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền mặt	197.297.985	803.265.790
Văn phòng Công ty	113.682.237	690.173.436
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	14.961.442	76.622.323
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	65.971.863	29.235.573
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	2.682.443	7.234.458
Tiền gửi ngân hàng	7.252.689.394	3.279.050.148
Văn phòng Công ty	6.711.289.729	2.337.915.789
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	499.149.466	672.456.450
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	24.865.129	121.072.669
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng	17.385.070	147.605.240
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	3.326.925.920	500.000.000
Văn phòng Công ty	2.826.925.920	500.000.000
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	500.000.000	-
Cộng	10.776.913.299	4.582.315.938

(*): Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng tại NH SHB số tiền là 500.000.000 VND và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển - Chi nhánh Quảng Nam, số tiền 132.192 USD, quy đổi tương đương: 2.826.925.920 VND.

5.2 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	209.553.043.338	204.825.022.610
Cty TNHH MTV DT PHTT KCN & DT CLai T.HAI	21.434.812.000	1.927.603.840
Công ty CP sản xuất Sô Đa Chu Lai	46.976.333.860	25.906.065.408
Công ty TNHH Number One Chu Lai	-	30.602.880.000
Công ty TNHH TM SX Toàn Việt	21.575.553.456	53.420.358.105
Công ty TNHH MTV Huy Minh Quang	10.782.306.691	6.957.281.878
Cty TNHH TM CN Giấy Vĩnh Thịnh	8.705.706.135	6.333.886.730
Cty TNHH TM Đắc Nguyên	6.519.653.280	6.519.653.280
Công ty TNHH Vĩnh Minh Hưng	5.262.094.559	10.830.519.521
Công ty TNHH in & giấy Nhật Tâm	2.464.652.125	5.875.019.945

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.2 Phải thu của khách hàng (tiếp theo)

Công ty cổ phần tập đoàn truyền thông Thanh Niên	5.043.828.231	5.043.828.231
Công ty TNHH Hưng Quốc Giang	14.356.557.532	-
Công ty TNHH Hành Tinh Vàng	6.485.383.329	6.778.664.297
Công ty TNHH TMDV Phát Thành Lộc	1.767.462.783	1.515.672.470
Công ty TNHH SX TM Quý Nguyên	1.489.423.549	-
Công ty TNHH SXTM DV Nhựa Thái Long	7.427.601.600	-
Cty cổ phần Tín Hưng	2.731.155.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Tân Kim Hưng	-	6.006
Cty TNHH SX TM DV Minh Hoàng	1.579.420.700	2.339.386.587
Công ty TNHH TM DV Anh Phước	2.189.981.765	-
Công ty TNHH TM SX Kiên Thành	372.293.320	988.357.551
Ban quản lý dự án hạ tầng	2.099.908.200	354.186.750
Công Ty TNHH TM Hoàng Kim Phát	3.257.561.168	502.136.256
Cty TNHH Hưng Thành	1.024.524.247	1.841.592.271
Công Ty TNHH TM & DV 3B	1.569.770.917	2.052.514.171
Công ty TNHH SX TM Giấy Hoa Đăng	1.043.930.626	674.289.720
DNTN Thương mại Minh Thi	206.072.191	818.138.995
Công ty TNHH San Trần	800.000.000	2.017.323.224
DNTN Hưng Hưng	-	660.541.757
Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Thuận Quang Vinh	824.386.933	5.610.826.195
DNTN Tường Thành	786.373.686	791.373.686
Cty CP ĐT & SX Việt Hàn	-	784.687.382
Công ty TNHH TM SX Vĩnh Tường Phát	-	234.022.399
Công ty TNHH Lộc Thịnh Phát	-	951.644.201
Công ty TNHH MTV Giấy Thu Trang	-	269.110.744
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Thương mại Minh Anh	165.759.985	559.775.992
Công ty Cổ phần khoáng sản Sô đa Chu Lai	24.707.630.640	-
Công ty cổ phần truyền thông Khang	-	665.047.075
Cty cổ phần TM và DV Bắc Giang	-	337.689.046
DNTN Giấy Đức Phát	422.198.249	422.198.249
Công ty TNHH TM Quảng Thành Hưng	215.046.400	215.046.400
Công ty TNHH Đồng Tâm (XN XD Chu Lai)	240.497.500	240.497.500
DNTN Hiệp Phong	-	448.586.799
Công ty TNHH Quảng Vân Long	758.869.981	352.018.793
Công ty TNHH Thuận Tiến	-	20.916.199
Công ty CP Văn hóa tổng hợp Trà Vinh	-	303.423.840
Công ty TNHH Tân Nhật Minh	300.000.000	300.000.000

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.2 Phải thu của khách hàng (tiếp theo)**

Công ty xuất nhập khẩu ngành in Tp Hồ Chí Minh	-	316.766.008
Công ty Du lịch và Đầu tư Quảng Nam	140.420.900	140.420.900
Công ty TNHH Nam Nhật Tiên	110.756.499	110.756.499
Trần Thế Hoan	3.000.000.000	-
Các đối tượng khác	715.115.301	17.790.307.710
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	1.335.754.599	2.224.853.584
Cty CP VTB Đức Thịnh	-	210.487.750
Cty CP Vật Tư Xây Dựng Tây Đô	258.057.226	207.057.226
Cty CP Xi Măng Miền Trung	94.569.198	224.569.198
Cty TNHH Khoáng Sản An Phát Thành	338.131.775	338.131.775
Cty TNHH MTV Kiến Trúc Và Xây Dựng Phát Đạt	-	43.962.080
Cty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Việt Hưng	-	44.990.000
Cty TNHH Thương Mại Hải Mỹ	170.715.335	170.715.335
Công ty CP Gạch Men Anh Em DIC	-	86.499.242
Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi	146.566.380	106.136.443
Công ty CP VT Hoa Phượng Đỏ	-	160.277.920
Công ty TNHH MTV VT - GN_PP ô tô Chu Lai Trường Hải	-	43.704.640
Công ty TNHH TM-VT Hải Phòng	-	205.283.980
Công Ty TNHH Vinh Thịnh	-	89.556.915
DNTN Sỹ Phú	255.200.000	255.200.000
Các đối tượng khác	72.514.685	38.281.080
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	784.477.080	194.992.945
Công ty TNHH MTV Kiến Trúc và Xây Dựng Phát Đạt	-	111.691.950
Công ty TNHH Phú Cảnh	-	31.099.996
Công ty TNHH Xây dựng Việt Thịnh	-	5.747.501
Công ty Cổ Phần Năm Năm Sáu	-	2.100.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Lý Khôi	-	750.000
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Hân Dung	71.779.250	5.025.000
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Tổng Hợp Hoàng Dự	288.368.000	17.385.000
Công ty cổ phần đầu tư Á Châu Bay	388.440.630	-
Các đối tượng khác	35.889.200	21.193.498
Xí nghiệp Q. lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	26.397.840	4.622.415
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Bắc Giang	22.878.660	4.622.415
CN Công ty XNK DV & ĐT Việt Nam	3.519.180	-
Cộng	211.699.672.857	207.249.491.554



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.3 Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	516.837.516	3.504.161.073
V.Global International Company Limited	-	2.262.174.200
Công ty CP tư vấn kiến trúc & xây dựng A&C	154.204.000	-
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	50.000.000	-
Công ty CP ĐT phát triển xây dựng Hội An	-	593.110.450
Công ty TNHH Kiểm toán Quảng Việt	-	44.250.000
Cty TNHH SXTM Tân Quốc Hưng	-	85.701.000
Cty TNHH Xây dựng TM & Môi trường QNam	19.928.500	19.928.500
Công ty cổ phần Phú Tân	-	65.000.000.00
Công ty cổ phần tư vấn XDCT Hàng Hải	97.233.534	97.233.534.00
Công ty TNHH MITSUI O.S.K. LINES (Việt Nam)	-	40.507.350.00
Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường Quảng Nam	147.800.000	147.800.000.00
Văn phòng đăng ký QSD đất huyện Duy Xuyên	15.800.000	15.800.000
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thăng Bình	3.700.000	3.700.000
Đội xây dựng (Nguyễn Văn Thành)	-	80.490.436
Các đối tượng khác	28.171.482	48.465.603
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	68.951.478
Công ty Cổ phần Quang Sinh	-	68.951.478
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	516.837.516	3.573.112.551

3193
CỘNG HÒA
KIỂM
TÍNH
EM

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỸ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.4 Phải thu nội bộ ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	29.232.720.982	3.671.514.583
Ban quản lý dự án Chu Lai	-	1.555.202.954
BQL các dự án đầu tư XD và nạo vét luồng Kỳ Hà	-	738.617.197
BQL khu liên hợp Tam Hiệp	-	468.325.837
Ban chuẩn bị dự án BT	-	5.892.729
Trung tâm bồi thường & giải phóng mặt bằng	2.272.657.173	-
Trung tâm bồi thường & GPMB (dự án đường cao tốc ĐN-QN)	21.929.848.158	-
Trung tâm bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	5.030.215.651	903.475.866
Cộng	29.232.720.982	3.671.514.583

5.5 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	1.723.109.225	5.240.989.563
Thuế nhập khẩu được điều chỉnh giảm	-	3.015.171.281
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa nộp	-	146.416.326
Quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng đã nộp nhưng không được đưa vào chi phí (Dự Nợ TK 3388)	1.000.000.000	1.000.000.000
Kinh phí công đoàn (Dự Nợ TK 3382)	754.294	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa (Dự Nợ TK 3383)	9.882.249	115.543.928
Công ty Cổ phần doanh nghiệp trẻ Quảng Nam	301.680.184	301.680.184
Ban Quản lý khu KTM Chu Lai	197.338.523	197.338.249
Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam	151.637.060	39.511.450
Cty cho thuê tài chính TNHH MTV NH Công Thương Việt Nam	6.376.677	28.776.585
Đỗ Xuân Diện	48.840.077	48.840.077
Võ Văn Hạn	-	46.908.198
Võ Phước Long	-	31.865.470
Huỳnh Bửu	-	30.873.200
Các đối tượng khác	6.600.161	238.064.615

048 -
3 TY
M HỮU I
TOÁN
VƯƠNG
TP. H

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.5 Các khoản phải thu khác (tiếp theo)**

Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	54.559.954	54.559.954
Ban Quản lý dự án Chu Lai	34.765.000	34.765.000
Trần Minh Phú	19.794.954	19.794.954
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	7.007.023	13.087.872
Cộng	1.784.676.202	5.308.637.389

5.6 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	319.602.629	291.749.557
Văn phòng Công ty	2.036.360	3.309.090
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	253.720.997	278.514.700
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	62.936.180	9.016.675
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	909.092	909.092
Công cụ, dụng cụ	5.407.276	3.281.819
Văn phòng Công ty	-	-
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	3.680.000	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	1.727.276	3.281.819
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.588.962.937	144.805.253.343
Văn phòng Công ty	30.588.962.937	144.652.379.626
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	152.873.717
Thành phẩm	518.258.289	463.526.062
Văn phòng Công ty	-	-
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	518.258.289	463.526.062
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.6 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Hàng hoá	18.618.761.900	76.424.566.843
Văn phòng Công ty	18.618.761.900	76.424.566.843
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
	<hr/>	<hr/>
Giá gốc hàng tồn kho	50.050.993.031	221.988.377.624
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Văn phòng Công ty	-	-
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
	<hr/>	<hr/>
Giá trị thuần	50.050.993.031	221.988.377.624

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	139.929.528	63.772.844
Văn phòng Công ty	126.108.982	32.348.298
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	6.000.000
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	9.420.000	16.000.000
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	4.400.546	9.424.546
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	96.886	13.436.122.444
Văn phòng Công ty	96.886	13.436.122.444
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
	<hr/>	<hr/>
Cộng	140.026.414	13.499.895.288



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HẠ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thành,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

5.8 Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ TSCĐ HỮU HÌNH											
Tại ngày 01/01/2014	110.841.164.272	17.341.137.772	8.627.390.368						4.892.406.757		141.702.099.169
Tăng trong năm	2.897.457.267	259.700.000	927.354.545						-		4.084.511.812
- Mua trong năm	-	259.700.000	927.354.545						-		1.187.054.545
- Đầu tư XD CB hoàn thành	2.897.457.267	-	-						-		2.897.457.267
Giảm trong năm	189.054.743	67.736.169	177.617.500						-		434.408.412
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	177.617.500						-		177.617.500
- Giảm khác	189.054.743	67.736.169	-						-		256.790.912
Tại ngày 31/12/2014	113.549.566.796	17.533.101.603	9.377.127.413						4.892.406.757		145.352.202.569
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ											
Tại ngày 01/01/2014	13.141.044.780	9.952.555.680	5.359.000.259						535.030.797		28.987.631.516
Tăng trong năm	2.425.706.274	1.701.658.344	934.965.261						65.003.748		5.127.333.627
- Số khấu hao trong năm	2.425.706.274	1.701.658.344	934.965.261						65.003.748		5.127.333.627
Giảm trong năm	189.054.743	67.736.169	177.617.500						-		434.408.412
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	177.617.500						-		177.617.500
- Giảm khác	189.054.743	67.736.169	-						-		256.790.912
Tại ngày 31/12/2014	15.377.696.311	11.586.477.855	6.116.348.020						600.034.545		33.680.556.731
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày 01/01/2014	97.700.119.492	7.388.582.092	3.268.390.109						4.357.375.960		112.714.467.653
Tại ngày 31/12/2014	98.171.870.485	5.946.623.748	3.260.779.393						4.292.372.212		111.671.645.838

Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.409.551.858 đồng. Tài sản cố định đang sử dụng nhưng không trích khấu hao theo Tờ trình số 132/TTTr-KTM ngày 08/09/2011 của Ban Quản lý khu kinh tế mở Chu Lai, với giá trị là: 71.819.020.666 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng Công ty	44.219.926	15.862.344.813
Dự án đừa Duy Hải	-	15.396.745.155
Cơ sở hạ tầng mỏ đá	44.219.926	261.854.204
Sửa chữa 1,8 Km đường trong Khu CN Tam Hiệp	-	203.745.454
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	44.219.926	15.862.344.813

5.10 Tài sản dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	5.159.885.483	9.942.111.630
Văn phòng Công ty	4.323.512.043	8.829.762.460
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	585.497.803	957.088.980
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	250.875.637	140.312.406
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	14.947.784
Tài sản dài hạn khác	53.000.000	63.000.000
Văn phòng Công ty (*)	53.000.000	63.000.000
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	5.212.885.483	10.005.111.630

(*): Là khoản tiền ký cược Hợp đồng cho thuê tài chính số 50/2011/TSC-CTTC được ký kết ngày 29 tháng 03 năm 2011 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam.

TY
HẠN
N
NG
HÀ

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.11 Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn	99.812.207.708	236.451.631.522
NH TMCP Công thương - CN Quảng Nam	-	34.908.575.747
NH TMCP Đông Á - CN Quảng Nam (i)	59.092.115.782	98.049.045.250
NH TMCP Đầu tư và PT - CN Quảng Nam (ii)	18.596.940.426	1.810.282.078
NH TMCP Ngoại thương CN Quảng Nam (iii)	8.849.151.500	10.297.831.948
NH TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Quảng Nam (iiii)	13.274.000.000	57.485.896.499
Vay cá nhân, tổ chức khác	-	33.900.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	66.572	66.572
Công ty cho thuê tài chính NH Công thương	66.572	66.572
Cộng	99.812.274.280	236.451.698.094

(i): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Quảng Nam bao gồm số dư của các khoản vay thuộc các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng vay vốn H1826/1 ngày 13 tháng 02 năm 2014, số tiền vay: 7.159.680.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 13/02/2014 đến ngày 13/07/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01133330002, 064LC01133240001. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, số dư còn lại của Hợp đồng này là: 3.185.170.782 đồng đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 13 tháng 02 năm 2015.

- Hợp đồng vay vốn H1842/1 ngày 27 tháng 02 năm 2014, số tiền vay: 6.821.760.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 27/02/2014 đến 27/07/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01140230001. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (6.821.760.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 27/02/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1845/1 ngày 03 tháng 03 năm 2014, số tiền vay: 3.779.585.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 03/03/2014 đến 03/08/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01140060002. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (3.779.585.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 03/03/2015.



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Hợp đồng vay vốn số H1851/1 ngày 06 tháng 03 năm 2014, số tiền vay: 591.220.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 06/03/2014 đến 06/08/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01140060003. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (591.220.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 06/03/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1852/1 ngày 07 tháng 03 năm 2014, số tiền vay: 4.075.195.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 07/03/2014 đến ngày 07/08/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01133240001 lần 02. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (4.075.195.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 07/03/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1861/1 ngày 10 tháng 03 năm 2014, số tiền vay: 3.547.320.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 10/03/2014 đến 10/08/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC05133260001 lần 03. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (3.547.320.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 10/03/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1870/1 ngày 14 tháng 03 năm 2014, số tiền vay: 2.132.615.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 14/03/2014 đến ngày 14/08/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01133540001 và LC01140140001. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (2.132.615.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 14/03/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1880/1 ngày 20 tháng 03 năm 2014, số tiền vay: 11.549.905.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 20/03/2014 đến ngày 20/08/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01133540001, 064LC01140060002 và 064LC01140220001. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (11.549.905.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 20/03/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1912/1 ngày 15 tháng 04 năm 2014, số tiền vay: 8.657.150.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 15/04/2014 đến 15/09/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo 02 LC số 064LC01140021001 và 064LC01140640001. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (8.657.150.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 16/02/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1940/1 ngày 29 tháng 04 năm 2014, số tiền vay: 5.951.610.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 29/04/2014 đến 29/09/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC0114015001. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (5.951.610.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 28/02/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1955/1 ngày 08 tháng 05 năm 2014, số tiền vay: 654.565.000 đồng. Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 08/05/2014 đến 08/10/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01140370001. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (654.565.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 09/03/2015.

1018
CỘNG
HỘNH
KIỂM
HÙNG
LIÊM

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỸ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Hợp đồng số H1971/1 ngày 14 tháng 05 năm 2014, số tiền vay: 675.680.000 đồng. Thời gian vay: 05 tháng kể từ ngày 14/05/2014 đến 14/10/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01140370001 lần 2. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (675.680.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 14/03/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H 1975/1 ngày 19/05/2014, số tiền vay: 5.246.440.000 đồng. Thời gian vay: 05 tháng kể từ ngày 19/05/2014 đến 19/10/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01140370001 lần 3 và 064LC01140640001. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (5.246.440.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 19/03/2015.

- Hợp đồng vay vốn số H1986/1 ngày 21/05/2014, số tiền vay: 2.233.900.000 đồng. Thời gian vay: 05 tháng kể từ ngày 21/05/2014 đến 21/10/2014. Lãi suất trong hạn: 11,50%. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhập khẩu giấy theo LC số 064LC01140370001 lần 4. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay này (2.233.900.000 đồng) đã bị quá hạn và được phía Ngân hàng gia hạn đến ngày 21/03/2015.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam bao gồm số dư của của Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2014/586560/HĐTĐ ngày 19 tháng 06 năm 2014, số tiền vay: 33.347.831.747 đồng. Thời gian vay kể từ ngày Bên vay rút khoản vay đầu tiên (19/06/2014) đến ngày 30/04/2015. Lãi suất trong hạn: 9%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh). Mục đích sử dụng vốn vay: Chi trả tiền thi công cho các nhà thầu thi công công trình: San nền CN, hậu cần cảng Tam Hiệp để bàn giao cho công ty TNHH MTV ĐTPT Hạ tầng CN và đô thị Chu Lai Trường Hải. Tài sản đảm bảo: Thế chấp quyền đòi nợ 70% giá hợp đồng chuyển nhượng giá trị

Số dư tại ngày 31/12/2014 là: 16.743.463.347 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 04/2014/586560/HĐTĐ ngày 14 tháng 10 năm 2014, giấy nhận nợ ngày 07/11/2014, số tiền vay: 2.853.477.079 đồng. Thời gian vay: 150 ngày kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất trong hạn: 9%/năm và lãi suất cố định. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Thế chấp quyền đòi nợ hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐCN ngày 14/04/2014 giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Hạ tầng KCN và Đô thị Chu Lai Trường Hải.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam bao gồm số dư của các Hợp đồng tín dụng sau:

- Giấy nhận nợ số 1581/VCB ngày 27/08/2014 kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 6500H3/14027/NHNT ngày 24/01/2014, số tiền vay: 4.797.725.452 đồng. Thời gian vay: 04 tháng kể từ ngày 27/08/2014 đến ngày 27/12/2014. Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm, lãi suất quá hạn: 13,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhập khẩu 450 tấn (+/-5%) giấy in báo theo hợp đồng ngoại số 4/EV-KHCL/NP/13 ngày 02/12/2013 (LC 283). Tài sản đảm bảo: Quyền, quyền sở hữu lợi ích và các khoản phải thu khách hàng thuộc lô hàng 450 tấn (+/-5%) giấy in báo theo hợp đồng ngoại số 4/EV-KHCL/NP/13 ngày 02/12/2013 cho dù tài sản và các khoản phải thu khách hàng này đang tồn tại và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ số dư của khoản vay này (4.797.725.452 đồng) đã bị quá hạn.

- Giấy nhận nợ số 1223/VCB ngày 09/07/2014 kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 6500H3/14007/NHNT ngày 06 tháng 01 năm 2014, số tiền vay: 3.831.619.062 đồng. Thời gian vay: 04 tháng kể từ ngày 09/07/2014 đến ngày 09/11/2014. Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm, lãi suất quá hạn: 13,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhập khẩu 350 tấn (+/-5%) giấy in báo theo Hợp đồng ngoại số 3/EV-KHCL/LP/13 ngày 02/12/2013-LC44. Tài sản đảm bảo: Quyền, quyền sở hữu lợi ích và các khoản phải thu khách hàng thuộc lô hàng 350 tấn (+/-5%) giấy in báo theo hợp đồng ngoại số 3/EV-KHCL/NP/13 ngày 02/12/2013 cho dù tài sản và các khoản phải thu khách hàng này đang tồn tại và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tại ngày 31/12/2014, số dư còn lại của khoản vay này là 611.000.000 đồng đã bị quá hạn. Đến ngày 07/01/2015 Công ty đã tất toán được khoản vay này.

- Giấy nhận nợ số 1262/VCB ngày 15 tháng 07 năm 2014 kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 6500H3/14131/NHNT ngày 05 tháng 06 năm 2014, số tiền vay: 3.860.426.048 đồng. Thời gian vay: 04 tháng kể từ ngày 15/07/2014 đến ngày 15/11/2014. Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm, lãi suất quá hạn: 13,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhập khẩu 148,5 tấn (+/-5%) hạt nhựa theo hợp đồng ngoại số 2014-VN135 ngày 30/05/2014-LC1993.

Tài sản đảm bảo: Quyền, quyền sở hữu lợi ích và các khoản phải thu khách hàng thuộc lô hàng 148,5 tấn (+/-5%) hạt nhựa theo hợp đồng ngoại số 2014-VN135 ngày 30/05/2013 cho dù tài sản và các khoản phải thu khách hàng này đang tồn tại và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

Tại ngày 31/12/2014, số dư còn lại của khoản vay này là 3.440.426.048 đồng đã bị quá hạn.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Quảng Nam bao gồm số dư của các Hợp đồng tín dụng sau:

- Khế ước nhận nợ số 365/2014/KUNN-DN ngày 20 tháng 06 năm 2014 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 365/2014/HĐTĐHN-PN/SHB.120500 ngày 20/06/2014, số tiền vay: 785.000.000 đồng. Thời gian vay: 06 tháng kể từ ngày 20/06/2014 đến ngày 20/12/2014. Lãi suất cho vay: 8%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán Bộ chứng từ theo L/C số QN160414ILCS475 phát hành ngày 18/04/2014 thanh toán mặt hàng giấy Woodfree, Briefcard & Photocopy (Đợt 2). Tài sản đảm bảo: Lô hàng nhập khẩu giấy xuất xứ Indonesia theo Hợp đồng ngoại số VN14/237/IK ký ngày 28/03/2014 giữa Oleander Financial Pte Ltd với Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam và Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 2014.T083/KHCL-TV giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam và Công ty TNHH TM-SX Toàn Việt sau khi hàng được giao về.

Tại ngày 31/12/2014, toàn bộ sơ dư của khế ước này (785.000.000 đồng) đã bị quá hạn.

- Khế ước nhận nợ số 230/2014/KUNN-DN ngày 03 tháng 06 năm 2014 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 230/2014/HĐTĐNH-PN/SHB.120500 ngày 03/06/2014, số tiền vay: 6.984.000.000 đồng. Thời gian vay: 06 tháng kể từ ngày 03/06/2014 đến ngày 03/12/2014. Lãi suất cho vay: 8%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán Bộ chứng từ theo L/C số QN160414ILCS475 phát hành ngày 18/04/2014 thanh toán mặt hàng giấy Woodfree, Briefcard & Photocopy. Tài sản đảm bảo: Lô hàng nhập khẩu giấy xuất xứ Indonesia theo Hợp đồng ngoại số VN14/237/IK ký ngày 28/03/2014 giữa Oleander Financial Pte Ltd với Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam và Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 2014.T083/KHCL-TV giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam và Công ty TNHH TM-SX Toàn Việt sau khi hàng được giao về.

Tại ngày 31/12/2014, số dư còn lại của khế ước này là: 6.054.000.000 đồng đã bị quá hạn.

- Khế ước nhận nợ số 322/2014/KUNN-DN ngày 08 tháng 07 năm 2014 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 322/2014/HĐT ĐNH-PN/SHB.120500 ngày 08/07/2014, số tiền vay: 6.435.000.000 đồng. Thời gian vay: 06 tháng kể từ ngày 08/07/2014 đến ngày 08/01/2015. Lãi suất cho vay: 7,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán Bộ chứng từ theo L/C số QN270514ILCS637 phát hành ngày 04/06/2014 thanh toán mặt hàng giấy Woodfree, Briefcard & Photocopy. Tài sản đảm bảo: Lô hàng nhập khẩu giấy xuất xứ Indonesia theo Hợp đồng ngoại số VN14/339/IK ký ngày 08/05/2014 giữa Oleander Financial Pte Ltd với Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam và Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số VN14/339/IK/KHCL-HMQ giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Huy Minh Quang sau khi hàng được giao về.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỸ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.12 Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	55.459.268.163	55.586.937.006
Công ty CP cấp thoát nước Quảng Nam	-	948.939.350
Công ty CP Khoáng sản & Xây dựng Chu Lai	366.625.530	366.625.530
Công ty phát triển hạ tầng khu CN Chu Lai	2.779.342.500	2.779.342.500
Công ty PT đô thị & KCN QNĐN	376.262.633	376.262.633
Cty TNHH Công nghệ môi trường Trần Nguyễn	195.400.000	295.400.000
Công ty TNHH Kỹ thuật XD Quang Đại Việt	-	1.320.877.000
Công ty TNHH Phúc Hải Sơn	80.185.169	280.185.169
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Việt Hưng	-	391.712.442
Công ty CP Xây dựng Quỳnh Dương	771.266.967	1.071.266.967
Công ty Cổ Phần Phú Cường Thịnh	1.378.235.335	492.170.000
Công ty TNHH Khánh Giang	27.869.784.000	26.076.587.000
Công ty TNHH MTV Tín Vũ	567.979.283	567.979.283
Công ty TNHH Wei Xern Sin Industrial (XN XD Chu Lai)	234.352.213	234.352.213
Công ty cổ phần xây dựng Hà Đông	1.486.370.000	-
Công ty TNHH MTV Kiến Trúc và Xây dựng Phát Đạt	969.909.916	-
Doanh nghiệp tư nhân Vân Kiều	691.709.000	464.459.000
Công ty TNHH Phú Long	-	518.822.015
EUROCELL (Việt Nam) LTD	-	4.472.883.628
HTX xe vận tải và cơ giới bốc xếp số 7	-	1.805.307.169
Liên danh khoáng sản - Tân Nhật Minh	11.471.279.487	11.471.279.487
Công ty cổ phần Vinaconex 25	178.200.000	179.269.835
Công ty CP kho vận Tân Cảng	-	147.394.001
Công ty TNHH MTV Văn Tám	166.072.009	166.072.009
Vinmar International Company Limited	3.510.689.040	-
Công ty TNHH Vạn Xuân	131.064.420	131.064.420
Đội xây dựng (Nguyễn Văn Thành)	466.014.457	-
Các đối tượng khác	1.768.526.204	1.028.685.355



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.12 Phải trả người bán (tiếp theo)**

Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	4.735.004
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	566.673.084	152.732.685
CN Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ngãi	92.546.213	98.285
Công ty TNHH Một thành viên Lâm Bình	-	5.531.500
Doanh nghiệp tư nhân Vân Kiều	79.916.250	136.927.900
Trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Quảng Ngãi	-	10.175.000
Công ty Cổ phần Quang Sinh	197.220.621	-
DNTN cơ khí đúc Vũ Đại	193.940.000	-
Nguyễn Ngọc Trung	3.050.000	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	3.692.115	-
Chi nhánh Thủy Lợi Tam Kỳ	3.692.115	-
Cộng	56.029.633.362	55.744.404.695

5.13 Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	5.420.951.768	1.526.595.012
Công ty TNHH một thành viên Sáng	-	1.070.686.308
Công ty TNHH Hiệp Phú	-	250.699.147
Công ty TNHH Yeou Lih Silica Sand Việt Nam	104.331.253	104.331.253
Công ty TNHH MTV Nhựa Đạt Hòa	5.000.000.000	-
Cty cổ phần đầu tư á châu bay	300.000.000	-
Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng Nam Giang (XN XD Chu Lai)	-	90.504.595
Ban quản lý bồi thường - hỗ trợ và tái định cư của dự án mở rộng QL 1	16.620.515	-
Các đối tượng khác	-	10.373.709
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	30.000.000	1.981.093
Cty CP Hoá Phẩm Dầu Khí DMC Miền Trung	30.000.000	-
Các đối tượng khác	-	1.981.093
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	77.062.650	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Đông Hồ	46.432.150	-
Công ty cổ phần An Thịnh	30.162.000	-
Các đối tượng khác	468.500	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	5.528.014.418	1.528.576.105

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	19.698.737.196	14.764.789.643
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	12.290.249.220	614.929.639
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.003.408.686
Thuế nhập khẩu	-	3.542.638.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.935.708.742	7.600.792.093
Thuế thu nhập cá nhân	3.369.722	3.020.713
Thuế tài nguyên	256.041.552	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	213.367.960	-
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	102.581.816	91.502.488
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	94.595.903	91.331.788
Thuế thu nhập cá nhân	7.719.913	-
Thuế tài nguyên	266.000	170.700
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	167.838.504	14.189.614
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	60.633.304	-
Thuế tài nguyên	100.621.200	12.403.344
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.584.000	1.786.270
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	19.969.157.516	14.870.481.745

(*): Việc xác định thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

5.15 Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	5.535.660.113	958.840.342
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	1.493.447.582	767.406.061
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	227.134.921	137.415.339
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	386.287.621	235.715.948
Cộng	7.642.530.237	2.099.377.690

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỸ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.16 Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	22.978.191.114	4.869.006.011
Trích lãi vay dự trả	320.453.692	25.550.002
Trích trước chi phí khảo sát, thiết kế, bảo hiểm san nền	-	120.880.643
Trích trước chi phí thi công công khu CN Tam Hiệp	-	503.804.227
Trích trước CP thi công sửa chữa 1,8 KM đường trong khu CN Tam Hiệp	-	303.445.617
Trích trước chi phí thi công san nền nhà máy sản xuất bê tông Dinco	18.701.621	195.996.834
Trích trước chi phí tư vấn lập quy hoạch phân khu đ/c tỷ lệ 1/2000 khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	117.224.491	117.224.491
Trích trước KL xây lắp CT tuyến trục Đông Tây (B-K) theo hồ sơ dự toán tháng 2/2012	-	2.597.677.700
Trích trước CP san nền khu III Khu CN Tam Hiệp năm 2013	-	1.004.426.497
Trích trước chi phí đào đắp bờ hồ, san nền hoàn thiện mặt bằng mở rộng 4ha giao Sô Đa (Cty Phát Đạt)	2.666.583.905	-
Trích trước chi phí san nền tổng kho giao Trường Hải (Cty Khánh Giang)	209.650.366	-
Trích trước chi phí san nền bổ sung Khu 4 giao Number One 30/6/2014	637.897.281	-
Trích trước chi phí san nền GĐ II-2 30/6/2014 (Cty Khánh Giang)	501.653.828	-
Trích trước chi phí san nền Khu 3 giao Number One 30/6/2014	606.878.413	-
Trích trước CP bồi thường khu C4	525.554.824	-
Trích trước chi phí bồi thường khu C4 đã có phương án nhưng chưa chi tiền	3.952.628.747	-
Trích trước CP hỗ trợ TĐC dự án Nam Hội An	13.420.963.946	-
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	73.760.779	70.103.373
Chi phí nhân công thuê ngoài (bốc xếp)	73.760.779	70.103.373
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	22.051.951.893	4.939.109.384



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng Công ty	29.918.674.608	14.707.225.461
Bùi Thị Hạnh	-	4.612.537
Cty Cổ phần ĐT PT Xây Dựng Hội An	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP xây dựng và TM Quê Hương	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kiến Trúc và Xây dựng Phát Đạt	4.900.000.000	-
Kho bạc Nhà Nước Quảng Nam	21.929.848.158	-
Văn phòng ban Kinh tế Mở Chu Lai	-	12.630.423.000
Kinh phí công đoàn	-	32.641.022
Bảo hiểm y tế	65.102.237	29.455.052
Bảo hiểm thất nghiệp	22.378.209	8.827.977
Phải trả khác (Dự Có TK 1388)	1.346.004	736.963
Phải trả khác (Dự Có TK 141)	-	75.000
Đối tượng khác	-	453.910
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	11.625.120	14.600.712
Kinh phí công đoàn	11.625.120	12.568.120
Phải trả khác (Dự Có TK 1388)	-	2.032.592
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	3.098.100	4.008.803
Kinh phí công đoàn	3.098.100	4.008.803
Xí nghiệp Q. lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	8.906.452	6.680.277
Kinh phí công đoàn	8.906.452	6.680.277
Cộng	29.942.304.280	14.732.515.253

5.18 Phải trả dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng Công ty (*)	-	104.090.000.000
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	104.075.000.000
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	15.000.000
Xí nghiệp Q. lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	-	104.090.000.000

(*) Là khoản nhận trước tiền thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Dự án Bất động sản tại phía Nam Hội An - tỉnh Quảng Nam cho Genting Vinacapital Investments Pte.Ltd với số tiền 5.000.000\$ tương đương 104.075.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.19 Vốn chủ sở hữu
a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	1	2	3	4	5	6	7
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A							
Số dư đầu năm trước	131.451.343.940	11.644.006.562	1.680.886.747	2.037.489.412	-	13.320.608.690	160.134.335.351
- Tăng vốn trong năm trước	17.311.053.700	4.554.114.170	4.006.656.276	1.285.535.487	-	-	27.157.359.633
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.581.391.363	2.581.391.363
- Giảm trong năm	-	(11.853.641.391)	(1.680.886.747)	(2.037.489.412)	-	(12.855.354.872)	(28.427.372.422)
Số dư cuối năm trước	148.762.397.640	4.344.479.341	4.006.656.276	1.285.535.487	-	3.046.645.181	161.445.713.925
Số dư đầu năm nay	148.762.397.640	4.344.479.341	4.006.656.276	1.285.535.487	-	3.046.645.181	161.445.713.925
- Tăng trong năm nay	-	-	3.344.998.906	-	4.049.168.371	-	7.394.167.277
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	8.568.604.990	8.568.604.990
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	11.149.996.353	11.149.996.353
Số dư cuối năm nay	148.762.397.640	4.344.479.341	7.351.655.182	1.285.535.487	4.049.168.371	465.253.818	166.258.489.839



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.19** **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b/ Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chi tiết vốn đầu tư	Tại ngày 31/12/2014 (VND)	Tại ngày 01/01/2014 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	148.762.397.640	148.762.397.640
Vốn sở hữu của Nhà nước	148.762.397.640	148.762.397.640
Cộng	148.762.397.640	148.762.397.640

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	148.762.397.640	131.451.343.940
- Vốn góp tăng trong năm	-	17.311.053.700
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	148.762.397.640	148.762.397.640

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1** **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	574.973.782.983	580.399.803.079
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>556.959.097.414</i>	<i>565.776.227.045</i>
Doanh thu bán giấy	253.507.653.700	494.094.189.690
Doanh thu bán hạt nhựa	22.123.594.379	35.931.070.091
Doanh thu xe máy	2.908.000.000	-
Doanh thu cho thuê lại đất	56.665.197.411	35.637.552.076
Doanh thu chuyên nhượng cơ sở hạ tầng	69.593.545.455	-
Doanh thu cho thuê lại đất 11,09 ha khu 4	17.030.136.700	-
Doanh thu cho thuê lại đất 12,0295 ha đất Cảng	24.707.630.640	-
Doanh thu cho thuê lại đất 4,3 ha Công ty Thái Long	7.427.601.600	-
Doanh số bồi thường chi cho các hộ dân	68.068.514.907	-
Doanh thu dịch vụ bồi thường Nam Hội An	34.483.168.266	-
Doanh thu khác (phí bảo dưỡng hạ tầng)	391.920.256	49.201.335
Doanh thu kinh doanh nước XN Tam Hiệp	52.134.100	64.213.853

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỸ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)**

<i>Xí nghiệp cảng Kỳ Hà</i>	10.485.933.496	14.211.223.356
Doanh thu dịch vụ	10.485.933.496	14.211.223.356
<i>Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai</i>	7.528.752.073	412.352.678
Doanh thu bán đá xây dựng	7.528.752.073	412.352.678
<i>Xí nghiệp Q. lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp</i>	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	16.692.758.127	989.257.680
<i>Văn phòng Công ty</i>	16.692.758.127	989.257.680
Giảm giá hàng bán xe máy	6.407.830.420	-
Chiết khấu thương mại hoạt động kinh doanh giấy	134.527.273	-
Hàng bán bị trả lại doanh thu bán giấy	1.246.792.881	989.257.680
Hàng bán bị trả lại doanh thu cho thuê đất	8.903.607.553	-
<i>Xí nghiệp cảng Kỳ Hà</i>	-	-
<i>Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai</i>	-	-
<i>Xí nghiệp Q. lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp</i>	-	-
Doanh thu thuần	558.281.024.856	579.410.545.399

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Văn phòng Công ty	479.698.784.836	511.680.953.558
Giá vốn bán giấy	255.761.179.247	471.192.875.353
Giá vốn bán hạt nhựa	22.474.241.197	35.222.022.591
Giá vốn xe máy	3.989.563.746	-
Giá vốn cho thuê lại đất	41.030.631.910	5.235.654.231
Giá vốn chuyển nhượng cơ sở hạ tầng	49.962.609.065	-
Giá vốn cho thuê lại đất 11,09 ha khu 4	7.774.434.731	-
Doanh thu cho thuê lại đất 12,0295 ha đất Cảng	11.922.153.581	-
Doanh thu cho thuê lại đất 4,3 ha Công ty Thái Long	4.576.280.749	-

101032
CÔNG
CH NH
KIỂM
HÙNG
IÊM -

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***6.2 Giá vốn hàng bán (tiếp theo)**

Giá vốn bồi thường chi cho các hộ dân	68.068.514.907	-
Giá vốn dịch vụ bồi thường Nam Hội An	13.960.653.849	-
Giá vốn khác	153.826.754	-
Giá vốn kinh doanh nước XN Tam Hiệp	24.695.100	30.401.383
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	11.028.682.961	13.344.437.315
Giá vốn dịch vụ cảng Kỳ Hà	11.028.682.961	13.344.437.315
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	6.492.105.396	429.596.660
Giá vốn bán đá xây dựng	6.492.105.396	429.596.660
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	497.219.573.193	525.454.987.533

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Văn phòng Công ty	184.908.144	486.606.973
Lãi tiền gửi	46.036.675	261.842.157
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	27.001.575	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.869.894	224.764.816
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	32.376.095	48.034.544
Lãi tiền gửi	32.376.095	48.034.544
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	987.875	143.817
Lãi tiền gửi	987.875	143.817
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	218.272.114	534.785.334

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Văn phòng Công ty	19.671.458.731	29.206.065.817
Chi phí lãi vay	18.626.062.030	24.981.924.861
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	196.656.666	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	848.740.035	4.224.140.956
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	-	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	19.671.458.731	29.206.065.817

48 - G
TY
HỮU H
HOÀN
ƯỞNG
 TP. H

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***6.6 Thu nhập khác (tiếp theo)**

Khoản nhận ký quỹ không rõ đối tượng nhiều năm	15.000.000	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	24.286.131.955	2.303.093.856

6.7 Chi phí khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Văn phòng Công ty	24.008.561.137	1.967.831.944
Chi phí chuyển nhượng dự án B-T	4.350.000.000	-
Chuyển nhượng dự án Dừa Duy Hải	15.637.404.467	-
Chi phí SXKD của XN Xây dựng Chu Lai	2.801.880.304	-
Chi phí lương, bảo hiểm của Ban Quản lý Dự án Chu Lai năm 2013	707.409.876	-
Thanh lý tài sản cố định	-	378.384.092
Phạt vi phạm hành chính	450.226.123	522.943.098
Chi phí khác	61.640.367	1.066.504.754
Xí nghiệp cảng Kỳ Hà	24.803.987	-
Khoản chi thừa lương không xác định được đối tượng (Dự Nợ TK 334)	10.956.144	-
Chi phí khác	13.847.843	-
Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai	-	-
Xí nghiệp Q.lý và khai thác khu CN hậu cần cảng Tam Hiệp	-	-
Cộng	24.033.365.124	1.967.831.944

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.525.765.712	10.181.865.824
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	1.157.635.999	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	1.157.635.999	593.985.740
Các khoản chi phí không hợp lệ (tiền phạt)	1.157.635.999	593.985.740
Điều chỉnh chi phí khấu hao TSCĐ, xử lý công nợ	-	-
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường trong năm	(14.940.056.116)	10.181.865.824
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh thông thường	(16.097.692.115)	(20.220.032.021)
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kinh doanh thông thường	1.157.635.999	
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh bất động sản (cho thuê đất và hạ tầng KCN)	31.623.457.827	30.401.897.845
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập phải trả ước tính	6.957.160.722	7.600.474.461
Dự phòng thuế (thừa)/ thiếu của năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.957.160.722	7.600.474.461

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

2014
T
EM H
TOÁ
VƯ

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***7.2 Thông tin với các bên liên quan**

Tổng thu nhập được chi trả trong năm 2014 cho các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
Ông Cao Ngọc Tích	Chủ tịch HĐQT	240.000.000
Ông Võ Văn Hạng	Ủy viên Hội đồng thành viên - Giám đốc	230.400.000
Ông Nguyễn Đình Tuyên	Ủy viên hội đồng thành viên - Phó Giám đ	201.600.000
Ông Lê Văn Quang	Kiểm soát viên	252.000.000
Ông Võ Phước Long	Phó Giám đốc	201.600.000
Ông Huỳnh Bửu	Phó Giám đốc	201.600.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Kế toán trưởng	179.756.522
Tổng cộng		1.506.956.522

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Hùng Vương (HVAC).

7.4 Một số chỉ tiêu cơ bản phân tích tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1	<u>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</u>		
1.1	<i>Cơ cấu tài sản</i>		
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	71.52%	76.57%
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	28.48%	23.43%
1.2	<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>		
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	59.73%	73.15%
	Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	40.27%	26.85%
	Nợ phải trả/ Nguồn vốn chủ sở hữu	148.32%	272.43%
2	<u>Tỷ suất sinh lời</u>		
2.1	<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	2.70%	1.76%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	1.53%	0.45%
2.2	<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	3.76%	1.69%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	2.08%	0.43%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn CSH	5.15%	1.60%

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7.4 Một số chỉ tiêu cơ bản phân tích tài chính (tiếp theo)

3	<u>Phân tích khả năng thanh toán</u>		
3.1	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng Tài sản/Tổng Nợ phải trả)	1.67	1.37
3.2	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1.2	1.37
3.3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh <u>Tiền + Các khoản tương đương tiền</u> Nợ ngắn hạn	0.04	0.01



Ông Võ Văn Hạng
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng